TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành.

Bà Trần Thị Yến.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2020/TLST - HNGĐ ngày 20/4/2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXX - ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1978. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Đặng Đức P - Sinh năm 1978. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn MC 2, xã MS, huyện NL, Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ: Phố LH, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Hùng – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh Châu – Phó Giám đốc. (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Đức P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, đến ngày 13/8/2012 chị và anh P mới

đến UBND xã MS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng với nhau về quan điểm sống và cách cư sử trong gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, nên từ tháng 3/2020 chị đã mượn nhà ra ở riêng, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P theo pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Đặng Đức P có một con chung là Đặng Nguyễn Hiền C - Sinh ngày 05/02/2009, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Đặng Nguyễn Hiền C cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Trước khi kết hôn với anh P, chị có hai con riêng là: Từ Diệu D - Sinh ngày 03/8/1997 và Từ Duyên D - Sinh ngày 05/8/1999. Hiện nay hai cháu đã đến tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường tự lao động nuôi bản thân, nên về phần con riêng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Gồm có 01Thửa đất số: 984, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính xã MS diện tích 858m^2, trong đó đất ở 400m^2, đất trồng cây hàng năm 458m^2 giá trị tiền là 176.030.000đ; 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 90m^2 có giá trị 200.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là 376.030.000đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị và anh P đã thế chấp vay vốn ngân hàng. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, anh P là người quản lý sử dụng toàn bộ nhà và đất, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh P quản lý sử dụng và anh P phải trích chia cho chị ½ giá trị tài sản là 188.015.000đ. Các tài sản khác như ti vi, xe máy, tủ bảo ôn, tủ lạnh, trường kỷ và quạt điện, khi đi khỏi nhà chị đã mang theo xe máy, ti vi và chiếc quạt, số còn lại anh P quản lý sử dụng, chị tự nguyện giao xe máy, chiếc quạt và chiếc ti vi chị đã mang đi khi sống ly thân cho anh P quản lý sử dụng và không đề nghị Tòa án giải quyết số tài sản gồm: Ti vi, quạt điện, xe máy, tủ bảo ôn, tủ lạnh, trường kỷ.

Về số nợ chung của vợ chồng: Chị và anh Đặng Đức P còn nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện NL tỉnh Thanh Hóa số tiền vay năm 2018 còn nợ là 80.000.000đ tiền gốc và 613.000đ tiền lãi. Chị là người trực tiếp trả số nợ cho ngân hàng, trong đó chị tự nguyện trả 55.613.000đ và anh P phải chịu trách nhiệm trả nợ cùng với chị là 25.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2020, được bổ sung trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Đặng Đức P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện , việc chung sống và đăng ký kết hôn như chị Hiền trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai người bất đồng với nhau về quan điểm sống, kể từ tháng 3/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con cái: Anh và chị H có một con chung như chị H trình bày là đúng. Anh không đồng ý giao con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con cho anh chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2020 anh P trình bày: Anh và chị H có số tài sản chung như chị H trình bày là đúng, hiện nay anh đang ốm đau, bệnh tật, nên anh đồng ý với yêu cầu của chị H về phân chia tài sản. Chị H và anh được quyền sử dụng ½ diện tích đất ở và đất vườn, chị H được sử dụng ngôi nhà và trích chia phần giá trị chênh lệch cho anh là 100.000.000đ. Phần đất tăng thêm là do anh tự lấn sang phần đất vợ chồng mua của nhà anh S, X, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra vợ chồng còn có các tài sản khác như ti vi, xe máy, tủ bảo ôn, tủ lạnh, trường kỷ và quạt điện, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và anh đồng ý với ý kiến của chị H về việc giao cho anh quản lý số tài sản gồm: Ti vi, quạt điện, xe máy, tủ bảo ôn, tủ lạnh, trường kỷ.

Về số nợ chung của vợ chồng: Anh chấp nhận số tiền anh và chị H vay của ngân hàng nông nghiệp huyện NL là 50.000.000đ, số tiền chị H vay sau 50.000.000đ anh không được biết, chị H vay để giải quyết việc riêng của chị H, nên anh không chịu trách nhiệm về khoản vay này. Anh chỉ chấp nhận khoản vay trước 50.000.000đ và anh sẽ trả cho ngân hàng số tiền 25.000.000đ. Số tiền còn lại chị H phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Lê Minh C trình bày: Chị H và anh P vay ngân hàng số tiền 100.000.000đ, đã trả được 20.000.000đ. Số tiền còn nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 11/01/2021 là 80.613.000đ. Nay vợ chồng chị Hiền, anh P ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H, anh P phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho ngân hàng. Ông đồng ý với đề nghị của chị H về việc chị H là người trực tiếp trả số nợ cho ngân hàng.

Theo kết quả xem xét thẩm định tài sản ngày 05/8/2020 xác định được chị H và anh P có số tài sản gồm: Diện tích: 1174 m^2 có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía bắc: Giáp đường thôn dài 19m, gianh giới được xác định là tường rào xây và cổng sắt; Phía đông: Giáp diện tích đất chị H và anh P mua lại đất trồng keo của gia đình anh chị S, X dài 53m; Phía nam: Giáp vườn keo nhà bà Q dài 25,3m, danh giới được xác định là tường rào anh P và chị H xây bằng gạch không nung; Phía tây: Giáp đường đi vào nhà bà Quýt dài 53m, danh giới được xác định là tường rào anh P và chị H xây bằng gạch không nung. Diện tích nhà là 130,4m^2 gồm: Bán bình làm bằng cột bê tông, mái lợp proximăng, nền láng xi, không xây bao. diện tích: 33,8m^2; Nhà ở: Nhà cấp 4, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, diện tích 41,86m^2; Nhà bếp: Tường xây, mái lợp tôn và bluximang, nền lát gạch đỏ, diện tích 54,74m^2.

Tại phiên tòa ngày 17/11/2020 anh Đặng Đức P đề nghị tạm Ngừng phiên tòa 20 ngày để anh cung cấp tài liệu liên quan đến tài sản chung vợ chồng, hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa anh P không cung cấp cho Tòa án tài liệu nào, Tòa án phải tạm đình chỉ và tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện việc tuân theo pháp luật phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị H được ly hôn anh P và giao cháu Đặng Nguyễn Hiền C cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và giao toàn bộ tài sản là đất và nhà cho anh P quản lý sử dụng, anh P phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho chị H là 188.015.000đ. Chị H trực tiếp trả số tiền còn nợ cho ngân hàng, trong đó anh P phải trả lại cho chị H số tiền nợ là 25.000.000đ. Tổng số tiền anh P phải trích chia và trả lại cho chị Hiền 213.015.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc giao: Ty vi, xe máy, quạt điện, tủ bảo ôn, tủ lạnh, trường kỷ cho anh P sở hữu sử dụng và buộc các đương sự phải chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Đặng Đức P và chị Nguyễn Thị H, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P đồng ý ly hôn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Hiền và anh P và giấy khai sinh của cháu Hiền C, đủ cơ sở xác định chị H và anh P có một con chung là Đặng Nguyễn Hiền C - Sinh ngày 05/02/2009. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị H và anh P là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Đặng Nguyễn Hiền C là do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đề nghị xin được nuôi con của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu Đặng Nguyễn Hiền C, nên chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị H là phù hợp. Việc chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con riêng của chị H, đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, tự lao động nuôi bản thân, chị H không yêu cầu và Tòa án không giải quyết là phù hợp với pháp luật.

[3]. Về tài sản: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị H ghi diện tích 858m^2 là chưa chính xác vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi chiều dài theo mặt đường và chiều tiếp giáp phía sau với đất bà Q là 16m, hai cạnh còn lại có chiều dài 52m thì diện tích là 832m^2. Tài sản chung của anh P và chị H gồm: Diện tích đất 832m^2 trong đó đất ở là 400m^2, đất vườn 432m^2 và diện tích nhà là 130,4m^2 gồm: Bán bình diện tích: 33,8m^2; Nhà ở: Nhà cấp 4, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, diện tích 41,86m^2; Nhà bếp: Tường xây, mái lợp tôn và bluximang, nền lát gạch đỏ, diện tích 54,74m^2.

[3.1]. Xét đề nghị chia tài sản của chị H thấy rằng: Anh P đang quản lý toàn bộ số tài sản là nhà và đất, nên chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp.

[3.2]. Xét đề nghị của anh P về việc giao nhà cho chị H Hội đồng xét xử xét thấy: Ngôi nhà không nằm tiếp giáp về một phía và chiều rộng của ngôi nhà là 8,05m, nếu giao nhà cho chị H thì phần đất còn lại của anh P không đảm bảo ½ thửa đất. Mặt khác hiện nay anh P đang quản lý sử dụng ngôi nhà, nên đề nghị của anh P không có cơ sở chấp nhận. Đối với phần đất anh P chị H đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên tạm giao cho anh P quản lý sử dụng là phù hợp với pháp luật. Đối với số tài sản khác anh P trình bày gồm: Ti vi, xe máy, tủ bảo ôn, tủ lạnh, trường kỷ và quạt điện chị H tự nguyện giao cho anh P sở hữu. Đề nghị của chị H là tự nguyện nên chấp nhận. Ngoài diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì anh P chị H đang quản lý sử dụng diện tích đất 475,8m^2 mua của hộ anh X S, có các canh tiếp giáp: Phía bắc giáp đường thôn dài 3m. Phía đông giáp đất trồng keo của gia đình anh chị S, X dài 53m. Phía nam giáp vườn keo nhà bà Q dài 9,3m và phía tây giáp phần đất anh Pchị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dài 52m.

[3.3]. Về số nợ: Năm 2018 chị H và anh P vay số tiền của ngân hàng 100.000.000đ, trong đó anh P và chị H sử dụng chung 50.000.000đ, số tiền còn lại chị H sử dụng riêng và chị H đã trả được 20.000.000đ. Do đó chấp nhận đề nghị của chị H về việc chị H trả cho Ngân hàng và anh P trả lại cho chị H số tiền 25.000.000đ là phù hợp với pháp luật.

[4]. Về giá trị tài sản: Tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2020 anh P đồng ý với yêu cầu chia tài sản của chị H và đề nghị giao nhà cho chị H và chị H trích chia chênh lệch tài sản cho anh, nhưng khi chị H yêu cầu định giá tài sản thì anh P ngăn cản, nên chấp nhận giá trị tài sản chị H đưa ra, để giải quyết là phù hợp với pháp luật. Tuy nhiên do diện tích đất vườn bị giảm 26m^2, nên giá trị đất còn lại là 175.105.000đ. Tổng giá trị tài sản của chị H và anh P là 375,105.000đ. Chị H và anh P phải chịu trách nhiệm trả nợ là 80.613.000đ, trong đó chị H trả 55.613.000đ và anh P trả 25.000.000đ.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 51; 56; 57; 58; 59; 62; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a và b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

*** Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đặng Đức P.

*** Về con chung:** Giao cháu Đặng Nguyễn Hiền C - Sinh ngày 05/02/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu anh Đặng Đức P cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Đức P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

*** Về tài sản:**

Giao cho anh Đặng Đức P quản lý sử dụng diện tích 832m^2 tại thửa đất số: 984, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính xã MS, trong đó đất ở 400m^2, đất trồng cây hàng năm 432m^2 giá trị tiền là 175.105.000đ, danh giới được xác định cụ thể như sau:

- Phía bắc: Giáp đường thôn dài 16m, mốc giới được xác định là tường rào xây và cổng sắt.

- Phía đông: Giáp diện tích đất chị H và anh P mua lại đất trồng keo của hộ anh chị S, X dài 52m.

- Phía nam: Giáp vườn keo nhà bà Quýt dài 16m, mốc giới được xác định là tường rào anh P và chị H xây bằng gạch không nung.

- Phía tây: Giáp đường đi vào nhà bà Q dài 52m, mốc giới được xác định là tường rào anh P và chị H xây bằng gạch không nung.

Tạm giao cho anh Đặng Đức P quản lý sử dụng diện tích đất 475,8m^2 mua của hộ anh XS, danh giới được xác định: Phía bắc: Giáp đường thôn dài 3m. Phía đông: Giáp diện tích đất đất trồng keo của hộ anh chị S, X dài 53m. Phía nam: Giáp vườn keo nhà bà Q dài 9,3m, mốc giới được xác định là tường rào anh P và chị H xây bằng gạch không nung và phía tây: Giáp phần đất anh P được chia dài 52m.

Anh Đặng Đức P phải liên hệ với chính quyền địa phương để điều chỉnh lại họ tên và diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao và liên hệ với chính quyền địa phương để quản lý sử dụng diện tích đất được tạm giao theo quy định của pháp luật.

Giao anh Đặng Đức P được quyền sở hữu ngôi nhà trên diện tích đất được giao gồm: Nhà bán bình làm bằng cột bê tông, mái lợp proximăng, nền láng xi, không xây bao diện tích 33,8m^2; Nhà ở cấp 4, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, diện tích 41,86m^2; Nhà bếp: Tường xây, mái lợp tôn và proximang, nền lát gạch đỏ, diện tích 54,74m^2. Giá trị bán bình, nhà ở và nhà bếp là 200.000.000đ. (Hai trăm triệu đồng)

Tổng giá trị tài sản anh Đặng Đức P được chia là: 375.105.000đ. Anh P phải trích chia ½ giá trị tài sản được chia cho chị Nguyễn Thị H là 187.552.000. (Một trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

*** Về số nợ:**

- Giao chị Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh NL toàn bộ số tiền còn nợ là 80.613.000đ (Tám mươi triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng).

- Anh Đặng Đức P phải trả lại cho chị H số tiền nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh NL là 25.000.000đ. (Hai mươi lăm triệu đồng).

Tổng số tiền anh P phải trích chia chênh lệch tài sản được hưởng và số nợ phải trả cho chị H là 212.552.000đ (Hai trăm mười hai triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Đối với tài sản khác: Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc giao cho anh Đặng Đức P được quyền ở hữu sử dụng số tài sản gồm: Xe máy, quạt điện, ty vi, tủ bảo ôn, tủ lạnh và bộ trường kỷ. Anh Đặng Đức P không phải trích chia chệnh lệch giá trị tài sản là xe máy, quạt điện, ty vi, tủ bảo ôn, tủ lạnh và bộ trường kỷ cho chị Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 212.552.000đ (Hai trăm mười hai triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng), hàng tháng anh Đặng Đức P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị Nguyễn Thị H tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) kể từ ngày 11/01/2021 cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo mức lãi xuất và các điều khoản quy định mà hai bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh NL và chị Nguyễn Thị H.

(Có bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị H và sơ đồ thẩm định thửa đất kèm theo).

*** Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí đối với tài sản được chia là 6.597 (Sáu triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Tổng cộng số tiền án phí chị H phải chịu là 6.897.000đ (Sáu triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0006898 ngày 17/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp số tiền án phí là 1.897.000đ (Một triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Anh Đặng Đức P phải chịu án phí đối với tài sản được chia là 8.127.000đ (Tám triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

*** Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 11/01/2021.

Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NgọcLặc;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Sơn, huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NgọcLặc;
- Các đương sự;
- UBND xã Lam Sơn, huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh